



BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.43.7544196 - Fax: 84.43.8361197
Website: www.ibst.vn - Email: vkhcnd@fpt.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY **CERTIFICATE OF CONFORMITY**



Số/No: 395-4/2025VKH

Chứng nhận sản phẩm/ This is to certify that:

Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men/ Glazed dry-pressed ceramic tiles

(Danh mục sản phẩm được chứng nhận theo phụ lục đính kèm/ List of certified products attached at index)

Nhà máy sản xuất/ Manufacturer: EMILCERAMICA S.r.l. a socio unico

Địa điểm sản xuất/ Manufacturing address: IT - 41042 FIORANO MODENESE (MO) - VIA GHIAROLA NUOVA, 29

Đơn vị nhập khẩu/Importer: Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm Sứ Việt

VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ/ Address

778k/2 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

778k/2 Nguyen Kiem Street, Duc Nhuan Ward, Hochiminh City, Vietnam

Phù hợp với/ Conforms to:

Mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD/ Item III.1, table 1, QCVN 16:2023/BXD

Phương thức chứng nhận/ Certification method: Phương thức 5/ Method 5

Hiệu lực/Validity: Giấy chứng nhận có giá trị/ This certificate is valid:

từ ngày 24 tháng 04 năm 2026 đến ngày 23 tháng 04 năm 2029/ from April 24th 2026 to April 23rd 2029

(Giấy chứng nhận sẽ được duy trì hiệu lực sau các đợt đánh giá giám sát của IBST 12 tháng/lần, tổng cộng là 02 lần trong 03 năm/ This certificate will maintains valid if 12-month surveillance audits are performed by IBST twice in three years)



Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026
Hanoi, April 24th 2026

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

On behalf of Director of Institute
Vice Director



★**Đinh Quốc Dân**

**PHỤ LỤC
INDEX**

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-4/2025VKH, ban hành ngày 24/04/2026
(Attached to Certificate No. 395-4/2025VKH, dated 24/04/2026))

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận Certified products	Quy cách/ Dimension (mmxmmxmm)	Nhãn hiệu hàng hóa/Brand ⁽¹⁾	Mã HS HS code ⁽¹⁾
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	2780x1200x6,5	EMIL CERAMICA ERGON PROVENZA	69072193
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x1200x9		69072193
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	540x110x9		69072193
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1600x1600x9		69072193
5.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x200x9		69072193
6.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x300x9		69072193
7.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x600x9		69072193
8.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1800x900x9		69072193

Ghi chú/Note: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-4/2025VKH, ban hành ngày 24/04/2026
(Attached to Certificate No. 395-4/2025VKH, dated 24/04/2026))

(Annexed to Certificate No. 555-4/2025/KH, dated 24/04/2020)

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> (mmxmmxmm)	Mã/code ⁽¹⁾															
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	2780x1200x6,5	Nhóm 2: <table> <tr><td>DT.PA BEIGE 6R</td></tr> <tr><td>DT.PA WHITE 6R</td></tr> <tr><td>MA.SA BEIGE 6R</td></tr> </table> Nhóm 3: <table> <tr><td>TMO IVORY L</td><td>TMO BLACK L</td></tr> <tr><td>TMV ACA BLU 6L</td><td>TMO GREEN L</td></tr> <tr><td>TMV ACA BLK 6L</td><td>TCR V.BLCK L R</td></tr> <tr><td>TLU LABRA L R</td><td>TCR IVORY L R</td></tr> <tr><td>TLU GOLD L R</td><td>TCR IVORY L R</td></tr> <tr><td>TMO IVORY L</td><td>0TCR V.BLCK L R</td></tr> </table>	DT.PA BEIGE 6R	DT.PA WHITE 6R	MA.SA BEIGE 6R	TMO IVORY L	TMO BLACK L	TMV ACA BLU 6L	TMO GREEN L	TMV ACA BLK 6L	TCR V.BLCK L R	TLU LABRA L R	TCR IVORY L R	TLU GOLD L R	TCR IVORY L R	TMO IVORY L	0TCR V.BLCK L R
DT.PA BEIGE 6R																		
DT.PA WHITE 6R																		
MA.SA BEIGE 6R																		
TMO IVORY L	TMO BLACK L																	
TMV ACA BLU 6L	TMO GREEN L																	
TMV ACA BLK 6L	TCR V.BLCK L R																	
TLU LABRA L R	TCR IVORY L R																	
TLU GOLD L R	TCR IVORY L R																	
TMO IVORY L	0TCR V.BLCK L R																	
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	1200x1200x9	Nhóm 2: <table> <tr><td>VA.CR WHT SK R</td></tr> <tr><td>VA.CR BEI SK R</td></tr> <tr><td>MA.NE BEI SK R</td></tr> <tr><td>UT.MI WHITE R</td></tr> <tr><td>UT.MI CREAM R</td></tr> </table>	VA.CR WHT SK R	VA.CR BEI SK R	MA.NE BEI SK R	UT.MI WHITE R	UT.MI CREAM R										
VA.CR WHT SK R																		
VA.CR BEI SK R																		
MA.NE BEI SK R																		
UT.MI WHITE R																		
UT.MI CREAM R																		
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	540x110x9	Nhóm 2: <table> <tr><td>MIM CHVR MIELE</td></tr> <tr><td>ELW MOHOG.CHEVR</td></tr> <tr><td>ELW BEIGE CHEVR</td></tr> <tr><td>ELW NUT CHEVRON</td></tr> <tr><td>MIM CHVR AVORI</td></tr> <tr><td>MIM CHVR ECRU</td></tr> <tr><td>MIM CHVR TABAC</td></tr> </table>	MIM CHVR MIELE	ELW MOHOG.CHEVR	ELW BEIGE CHEVR	ELW NUT CHEVRON	MIM CHVR AVORI	MIM CHVR ECRU	MIM CHVR TABAC								
MIM CHVR MIELE																		
ELW MOHOG.CHEVR																		
ELW BEIGE CHEVR																		
ELW NUT CHEVRON																		
MIM CHVR AVORI																		
MIM CHVR ECRU																		
MIM CHVR TABAC																		
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	1600x1600x9	Nhóm 2: <table> <tr><td>UT.MI WHITE R</td></tr> <tr><td>UT.MI CREAM R</td></tr> </table>	UT.MI WHITE R	UT.MI CREAM R													
UT.MI WHITE R																		
UT.MI CREAM R																		
5.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	1200x200x9	Nhóm 2: <table> <tr><td>DIM TABACCO</td></tr> <tr><td>DIM DORATO</td></tr> <tr><td>MIM AVORIO R</td></tr> </table>	DIM TABACCO	DIM DORATO	MIM AVORIO R												
DIM TABACCO																		
DIM DORATO																		
MIM AVORIO R																		
6.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	1200x300x9	Nhóm 2: <table> <tr><td>IWO RO.IMBR R</td></tr> </table>	IWO RO.IMBR R														
IWO RO.IMBR R																		
7.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	1200x600x9	Nhóm 1: <table> <tr> <td>ELP MUR GREY R</td> <td>PS LINES LEA R</td> </tr> </table>	ELP MUR GREY R	PS LINES LEA R													
ELP MUR GREY R	PS LINES LEA R																	

STT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> (mmxmmxmm)	<i>Mã/code</i> ⁽¹⁾	
			ELP MUR ANTR R	PS LINES ASH R
			PS LINES SAN R	PS LINES TAL R
			PS LINES ANT R	
			Nhóm 2;	
			TMV CAL BLACK R	PS.VE SAND R
			TMV CAL BLK L R	PS.VE ANTRAC R
			TLU GOLD L R	PS.VE LEAD R
			BSQ IVORY R	PS.VE ASH R
			IN.PU WHITE R	PS.VE TALC R
			ELP GREY R	PS.CR TALC R
			ELP ANTRA R	PS.CR ASH R
			ELP SAND R	ELP WHITE R
			Nhóm 3:	
			TMR QUARZ.K L	TMO ON.IVO L R
			TMV ACA CA BK L	TMO ON.BLK L R
			TMV ACA BLU L	TLU LABRA L R
			TMV ACA VERDE L	TCR IVORY L R
			TMO ON.GRE L R	TCR V.BLCK L R
8.	Gạch gồm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	1800x900x9	Nhóm 2:	
			VA.CR WHT SK R	VA.VE BEI SK R
			VA.VE WHT SK R	UT.VE WHITE R
			VA.CR BEI SK R	UT.VE CREAM R

Ghi chú/Note: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*